

Bản án số: **80/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 30- 9-2024
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Thắng

Bà Phan Thị Thuận Nhi

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Minh An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm 1975; địa chỉ: số A, T, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Cabanat S, sinh năm 1967; địa chỉ: B, B, Pháp (Vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2023, nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Cabanat S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Đ, số vào sổ đăng ký kết hôn 105, ngày 01/7/2013, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số B, đường V, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng được một khoảng thời gian ngắn thì ông Cabanat S quay về Pháp. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng chung. Đến đầu năm 2020,

ông Cabanat S qua lại Pháp và cắt đứt liên lạc với bà. Từ đó đến nay, bà không còn tình cảm vợ chồng với ông Cabanat S, nên bà làm đơn đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Cabanat S.

- Về con chung: Bà Trần Thị Thùy T xác định không có con chung với ông Cabanat S.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thùy T xác định bà và ông Cabanat S không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Thùy T xác định bà và ông Cabanat S không có nợ chung.

** Bị đơn ông Cabanat S không có lời khai tại hồ sơ vụ án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T, địa chỉ tại số A, đường T, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; bị đơn ông Cabanat S, có địa chỉ tại B, B, F (Pháp) nên vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài của bà Trần Thị Thùy T với ông Cabanat S.

Trước đó, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có thông báo thụ lý vụ án số:34/TB-TLVA ngày 18/4/2023 và làm hồ sơ ủy thác tư pháp cho ông Cabanat S.

Tuy nhiên, tại công văn số: 2012/BTP-PLQT ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tư pháp về việc trả lại hồ sơ ủy thác tư pháp đối với đương sự Cabanat S với lý do “ *Từ cuối năm 2022 toàn bộ hồ sơ ủy thác tư pháp Việt Nam gửi đến Bộ Tư pháp Cộng hòa Pháp đều bị bưu điện nước này trả lại với lý do người nhận từ chối nhận...* ”.

Sau khi thụ lý vụ án nêu trên, ngày 13/3/2024, nguyên đơn là bà Trần Thị Thùy T có đơn đề nghị Tòa án đăng tin lên Cổng thông tin VOV5 của Đài Tiếng nói Việt Nam. Cùng ngày, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có công văn số: 208/CV-TA gửi Đài Tiếng nói Việt Nam, Hệ phát thanh - Ban đối ngoại quốc gia VOV5 về việc đề nghị thông báo thời gian mở phiên họp, phiên tòa cho ông Cabanat S bằng tiếng Pháp ba lần trong ba ngày liên tiếp (vào các ngày 20-22/3/2024).

Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình: vào lúc 8 giờ ngày 16/9/2024, nhưng ông Cabanat S không có mặt, bà Trần Thị Thùy T có đơn xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông Cabanat S vẫn không có mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy T và ông Cabanat S có đăng kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng, số 105 ngày 01/7/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà T, sau khi kết hôn, bà T và ông Cabanat S chung sống tại số B, đường V, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng được một khoảng thời gian ngắn thì ông C quay về Pháp. Sau đó bà T và ông Cabanat S vẫn thường xuyên liên lạc và ông Cabanat S vẫn thường qua lại Việt Nam để sống cùng bà T. Tuy nhiên đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Đến đầu năm 2020, ông Cabanat S qua lại Pháp và cắt đứt liên lạc với bà T.

Xét thấy, từ năm 2020 đến nay, hôn nhân giữa bà T và ông Cabanat S chỉ tồn tại về mặt hình thức, mỗi người sống mỗi nơi, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thùy T đối với ông Cabanat S, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị Thùy T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Thùy T xác định không có, ông Cabanat S vắng mặt, không có lời khai về tài sản chung và nợ chung, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Trần Thị Thùy Trang phải chịu 300.000 đồng.

[4] Chi phí thông báo cho đương sự qua Đài Tiếng nói Việt Nam, bà Trần Thị Thùy Trang phải chịu theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về chi phí dịch thuật: Bà Trần Thị Thùy T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Ly hôn*” của bà Trần Thị Thùy T với ông Cabanat S.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Thùy T được ly hôn với ông Cabanat S.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0001337 ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bà Trần Thị Thùy T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về chi phí thông báo cho đương sự qua Đài Tiếng nói Việt Nam - Hệ phát thanh Đối ngoại quốc gia VOV5 bà Trần Thị Thùy T phải chịu 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*), bà T đã nộp đủ theo phiếu thu số 30.03/2024 ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Ban Đối ngoại - Đài Tiếng nói Việt Nam.

4. Về chi phí dịch thuật:

Bà Trần Thị Thùy T phải chịu 470.000 đồng phí dịch thuật theo Biên lai dịch thuật ngày 08/01/2024 của Hệ thống dịch thuật A2Z. Bà Trần Thị Thùy T đã nộp đủ phí dịch thuật.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bị đơn ông Cabanat S không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UBND TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đỗ Thị Thúy Năng**